

Bản án số: 332/2017/HC-PT

Ngày 17 tháng 11 năm 2017

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi;

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương;
Ông Võ Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 245/2016 /TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2016 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2017/QĐPT-HC ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Bà Mai Thị X, sinh năm 1973 (có mặt).

Ông M ủy quyền cho bà X tham gia tố tụng.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã LA, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TT2, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

4. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp VB, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

5. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TB1, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 24, ấp 9, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện LN; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện LN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN: Ông Nguyễn Gia H1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường TVT, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

2. Ông NLQ2, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 48, đường 1/12, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Đại chỉ: Số 07, đường BVB, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

4. Ông NLQ4, sinh năm 1955 (vắng mặt) .

Đại chỉ: Số 43/6, đường HHT, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

5. Ông NLQ5, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường HVN, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Đại diện ủy quyền của ông NLQ5, ông NLQ4 và ông NLQ3: Ông NLQ2 (vắng mặt).

6. Ông NLQ6, sinh năm 1957 (vắng mặt) .

Địa chỉ: Ấp TT2, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

7. Ông NLQ7, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT2, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

8. Bà NLQ8, sinh năm 1971 (vắng mặt) .

Địa chỉ: Ấp CC, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

9. Bà NLQ9, sinh năm 1958 (vắng mặt) .

10. Ông NLQ10, sinh năm 1982 (vắng mặt).

11. Ông NLQ11, sinh năm 1991 (vắng mặt) .

Cùng địa chỉ: Ấp TT2, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

12. Ban quản lý NLQ12, LN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2, Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thanh T2– Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý NLQ12 (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – Bà Mai Thị X, ông Lâm Thanh T, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Diện tích đất 159.454.920m² tọa lạc tại xã LT, xã LT, huyện LN được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý NLQ12 vào ngày 19/3/2003.

Năm 2005, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có đơn xin đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cho nhận khoán 100 ha đất trong tổng số diện tích do Ban quản lý NLQ12 quản lý, để trồng cây lâm nghiệp cải thiện đời sống cán bộ công chức của Văn phòng.

Ngày 11/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có Công Văn số 2160/UBND-SX chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước khảo sát vị trí đất để tiến hành cho nhận giao khoán.

Ngày 20/3/2007, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công Văn số 165/CNN-LN về việc khảo sát đất để giao cho cán bộ, công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 26/6/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Công Văn số 1440/UBND-SX về việc thuận chủ trương cho một số cán bộ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thuê đất Lâm nghiệp với tổng diện tích 100 ha. Các cán bộ nhận thuê đất gồm: Ông NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ4.

Ngày 17/7/2007, Ủy ban nhân dân huyện LN có Công Văn số 275/UBND-KT về việc hướng dẫn lập các thủ tục thuê rừng và đất lâm nghiệp.

Ngày 24/7/2007, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 175/QĐ-SNN về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật trồng rừng tại khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 211 do Ban quản lý NLQ12 quản lý cho các cán bộ, công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương để thực hiện trồng rừng với tổng diện tích 100 ha, trong đó 94,5 ha diện tích đất sản xuất và 5,5 ha diện tích phi sản xuất.

Ngày 05/5/2009, Ban quản lý NLQ12 tiến hành bàn giao đất lâm nghiệp cho các cán bộ, công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 16/12/2011, Ủy ban nhân dân huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cán bộ của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cụ thể ông NLQ5 được sử dụng diện tích 17.550m²; ông NLQ4 với diện

tích 177.691m²; ông NLQ2 với diện tích 173.756m²; ông NLQ3 diện tích 175.070m²; ông NLQ1 diện tích 171.477,0m².

Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn M; hộ ông Lâm Thanh T; hộ bà Nguyễn Thị O; hộ ông Nguyễn Thanh H gồm 196.735,2m² (tọa lạc tại khoảnh 1, 2 tiểu liên 211) nằm trong tổng diện tích đất 169.454.920m² do Ban quản lý NLQ12 quản lý. Diện tích đất bị thu hồi này nằm trong tổng 100 ha đã giao cho các cán bộ trên sử dụng.

Quá trình thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị O.

Ngày 25/3/2008, Ban quản lý NLQ12 lập biên bản kiểm tra về việc chiếm đất quy hoạch của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với ông Trần Văn M1 với diện tích bao chiếm 3,7 ha; bà NLQ8 (là vợ ông Nguyễn Văn T4) là 2,66 ha.

Ngày 19/5/2008, Ủy ban nhân dân xã LT lập biên bản vi phạm về hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp đối với ông Trần Văn M1 và bà NLQ8.

Ngày 17/7/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định Số 2829/QĐ-KPHQ và Quyết định số 2831/QĐ-KPHQ về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Trần Văn M1, bà NLQ8.

Ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định cưỡng chế số 4245/QĐ-CC và Quyết định 4247/QĐ-CC để thi hành quyết định khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Trần Văn M1, bà NLQ8.

Ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND thành lập đoàn cưỡng chế, thu hồi đất của một số hộ dân tái lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Sau khi cưỡng chế thu hồi đất của ông Trần Văn Q và bà NLQ8, bà Nguyễn Thị O là người nhận chuyển nhượng đất của ông M1, ông T4 (chồng bà NLQ8) khiếu nại về việc thu hồi đất trên lên Ủy ban nhân dân huyện LN.

Ngày 26/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định trả lời khiếu nại số 4144/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của bà Nguyễn Thị O.

Bà Nguyễn Thị O tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 22/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ra Quyết định trả lời khiếu nại số 199/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà O, giữ nguyên Quyết định số 4144/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN.

Quá trình giải quyết khiếu nại, giải quyết tại Tòa án, bà O trình bày nguồn gốc diện tích đất khoảng 03 ha tại khoảnh 1, tiểu khu 211 là vào năm 2007, bà chuyển nhượng của ông Trần Văn M1 khoảng 1,7 ha, của ông Nguyễn Văn T5 (đã chết) khoảng 01 ha, việc chuyển nhượng được lập giấy viết tay, không có công chứng của cơ quan có thẩm quyền, sau khi nhận chuyển nhượng bà tiến hành trồng mì, trồng cao su. Đầu năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện LN

cưỡng chế thu hồi đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà, bà khiếu nại lên Ủy ban nhân dân các cấp nhưng không được chấp nhận, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 300 triệu đồng giá trị mì và cao su bị phá bỏ và 90 triệu đồng tiền giá trị đất tương đương với gần 03 ha bị thu hồi.

Đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X:

Ngày 25/3/2008, Ban quản lý NLQ12 lập biên bản kiểm tra về việc bao chiếm đất quy hoạch của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với ông NLQ6, bà Nguyễn Thị Y với diện tích 2,9 ha; ông NLQ7 2,7 ha.

Ngày 19/5/2008, Ủy ban nhân dân xã LT lập biên bản vi phạm về hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp đối với ông NLQ6, NLQ7.

Ngày 17/7/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định số 2832/QĐ-KPHQ và Quyết định số 2853/QĐ-KPHQ, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông NLQ7 và ông NLQ6.

Ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4246/QĐ-CC và Quyết định số 4249/QĐ-CC để thi hành quyết định khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông NLQ7 và ông NLQ6.

Ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND thành lập đoàn cưỡng chế, thu hồi đất của một số hộ dân tái lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Sau khi cưỡng chế thu hồi đất của ông NLQ7 và ông NLQ6, vợ chồng ông M, bà X khiếu nại về việc thu hồi đất trên lên Ủy ban nhân dân huyện LN.

Ngày 26/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định trả lời khiếu nại số 4142/QĐ-UBND, Quyết định số 4143/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của bà X, ông M.

Bà X tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 22/01/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ra Quyết định số 198/QĐ-UBND, bác khiếu nại của bà X, giữ nguyên Quyết định số 4142/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN.

Quá trình giải quyết khiếu nại, giải quyết tại Tòa án, bà X, ông M trình bày: Nguồn gốc đất là ông Nguyễn Văn T7 mua lại của ông NLQ7 02 ha, vợ chồng ông NLQ6, bà Nguyễn Thị Y 02 ha vào năm 2007. Đến tháng 12/2007 ông T7 bán lại diện tích đất này cho vợ chồng ông M, bà X với diện tích thực tế là 7,6 ha.

Việc Ủy ban nhân dân huyện LN cưỡng chế thu hồi đất của những người bán đất cho vợ chồng ông bà là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà, do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4142/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2009

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 750 triệu đồng tài sản trên đất gồm có cây mì và cao su 02 năm tuổi, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN cấp lại 7,6 ha đất khác cho gia đình bà canh tác sử dụng.

Đối với ông Lâm Thanh T:

Ngày 25/3/2008, ban quản lý NLQ12 lập biên bản kiểm tra về việc bao chiếm đất quy hoạch của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với ông Lâm Thanh T với diện tích bao chiếm 0,5 ha.

Ngày 23/5/2008, Ủy ban nhân dân xã LT lập biên bản vi phạm về hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp đối với ông Lâm Thanh T.

Ngày 17/7/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định số 2834/QĐ-KPHQ áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Lâm Thanh T.

Ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4197/QĐ-CC để thi hành quyết định khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Lâm Thanh T.

Ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND thành lập đoàn cưỡng chế, thu hồi đất của một số hộ dân lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Sau khi cưỡng chế thu hồi đất của ông Lâm Thanh T khiếu nại về việc thu hồi đất trên đến Ủy ban nhân dân huyện LN.

Ngày 26/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định số 4145/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông Lâm Thanh T.

Ông Lâm Thanh T tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 22/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 4145/QĐ-UBND.

Quá trình giải quyết khiếu nại cũng như tại Tòa án, ông T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất là vào năm 2005 ông vào khai phá được 02 ha và mua thêm của những hộ dân đồng bào 2,5 ha, thực tế ông bị Ủy ban nhân dân huyện LN thu hồi hết 4,5 ha. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; đồng thời ông yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 450 triệu đồng tiền tài sản trên đất gồm mì và cao su 02 năm tuổi. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN cấp lại 4,5 ha đất cho gia đình ông để có đất canh tác sử dụng.

Đối với ông Nguyễn Thanh H:

Ngày 25/3/2008, Ban quản lý NLQ12 lập biên bản kiểm tra về việc bao chiếm đất quy hoạch của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với ông Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H) với diện tích bao chiếm 03 ha.

Ngày 23/5/2008, Ủy ban nhân dân xã LT lập biên bản vi phạm về hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp đối với ông Nguyễn Thanh H.

Ngày 17/7/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ra Quyết định số 2830/QĐ-KPHQ áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm về hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Nguyễn Thanh H.

Ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND thành lập đoàn cưỡng chế, thu hồi đất của một số hộ dân tái lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Sau khi cưỡng chế thu hồi đất thì ông H khiếu nại về việc thu hồi đất trên lên Ủy ban nhân dân huyện LN.

Ngày 26/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4146/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H.

Ông Nguyễn Thanh H tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 22/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 201/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định số 4146/QĐ-UBND.

Quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện tại Tòa án, ông H trình bày: Nguồn gốc diện tích đất vào năm 2005 ông và ông Lâm Thanh T khai phá và nhận chuyển nhượng của một số hộ dân đồng bào với diện tích khoảng 18 ha trong đó có 9,1 ha là ông với ông T trồng mì và cao su, còn lại hơn 10 ha ông trồng lúa, diện tích đất bị thu hồi là khoảng 9,1 ha trồng mì và cao su 02 năm tuổi, trong đó của ông có khoảng 5,5 ha, của ông T 4,5 ha. Việc Ủy ban nhân dân huyện LN thu hồi đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nay ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; hủy Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 500 triệu đồng giá trị tương đương với 5,5 ha đất trồng cao su xen lẫn mì.

Đại diện phí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN, Ủy ban nhân dân huyện LN giữ nguyên quan điểm không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của các hộ dân nêu trên với lý do các hộ dân tự ý chuyển nhượng, bao chiếm, xâm canh trái phép đất lâm trường là vi phạm Điều 15 Luật đất đai năm 2003; Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001 nên phía Ủy ban nhân dân huyện LN giữ nguyên các quyết định cưỡng chế, quyết định trả lời khiếu nại và không đồng ý bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Đại diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP giữ nguyên quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các hộ dân với lý do các hộ dân tự ý

chuyển nhượng, xâm canh trái phép đất lâm trường, vi phạm Điều 15 Luật đất đai năm 2003; Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ4 trình bày: Các ông thuê đất rừng là đúng quy định của pháp luật, từ khi nhận đất các ông đã trồng phủ kín cao su trên đất và không bị không bị các hộ dân nào vào tái chiếm, hàng năm các ông vẫn hoàn thành đúng nghĩa vụ đóng tiền thuê, thuế đất cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Nay các ông thống nhất với quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện LN cũng như Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP, các ông không có yêu cầu, ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ9, ông NLQ10, ông NLQ11 (là những người thừa kế của ông Trần Văn M1), ông NLQ6, ông NLQ7, bà NLQ8 là những người bán đất cho hộ bà Nguyễn Thị O, vợ chồng ông Nguyễn Văn M, Mai Thị X có quan điểm: việc chuyển nhượng là chuyển nhượng công khai phá chứ không phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các ông bà không khiếu nại gì tới Ủy ban nhân dân, do vậy các ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì và xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 05/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 199/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất với số tiền 300.000.000 đồng và 90.000.000 đồng giá trị đất tương đương với 03 ha bị thu hồi.

- Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4142/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 198/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất số tiền 750.000.000 đồng và trả lại diện tích 7,6 ha đất bị thu hồi.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4145/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất 450.000.000 đồng và yêu cầu trả lại 4,5 ha đất bị thu hồi cho ông.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP;

Yêu cầu bồi thường giá trị tài sản trên đất 500.000.000 đồng tương đương với 5,5 ha cao su trồng xen mì tại thời điểm thu hồi.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP và hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần đất diện tích 30.609,2m² mà bà đã nhận chuyển nhượng của người khai hoang và đã sử dụng và xem xét những hành vi đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, áp dụng pháp luật không đúng.

Ngày 11 tháng 10 năm 2016, người khởi kiện là bà Mai Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 4142/QĐ-UBND, Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần diện tích 75.083,4m² mà bà đã nhận chuyển nhượng của người khai hoang và đã sử dụng và xem xét những hành vi đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, áp dụng pháp luật không đúng.

Ngày 11 tháng 10 năm 2016, người khởi kiện ông Lâm Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần diện tích 91.041,6m² mà ông và ông H đã khai hoang sử dụng và xem xét những hành vi đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, áp dụng pháp luật không đúng.

Ngày 11 tháng 10 năm 2016, người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần diện tích 91.042,6m² mà ông và ông T khai hoang sử dụng và phần đất riêng của ông có diện tích 95.371,1m² và xem xét những hành vi đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, áp dụng pháp luật không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không tự thỏa thuận giải quyết được vụ án và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị O, Mai Thị X, Lâm Thanh T, Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị O, Mai Thị X, Lâm Thanh T, Nguyễn Thanh H đều còn trong hạn về quyền kháng cáo nên hợp lệ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 300 triệu đồng giá trị mì và cao su bị phá bỏ và 90 triệu đồng tiền giá trị đất tương đương với gần 03 ha bị thu hồi.

Ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4142/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 750 triệu đồng tài sản trên đất gồm có cây mì và cao su 02 năm tuổi, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN cấp lại 7,6 ha đất khác cho gia đình bà canh tác sử dụng.

Ông Lâm Thanh T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; đồng thời ông yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 450 triệu đồng tiền tài sản trên đất gồm mì và cao su 02 năm tuổi. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN cấp lại 4,5 ha đất cho gia đình ông để có đất canh tác sử dụng.

Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; hủy Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường 500 triệu đồng giá trị tương đương với 5,5 ha đất trồng cao su xen lẫn mì.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2010; Khoản 3, 4 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và yêu cầu bồi thường thiệt hại của

người khởi kiện cũng được xem xét, giải quyết cùng với nội dung quyết định hành chính là đúng theo quy định Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị O:

Tại Quyết định khắc phục hậu quả số 2829/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Trần Văn M1 và Quyết định khắc phục hậu quả số 2831/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối bà NLQ8. Đến ngày 30/10/2008 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4245/QĐ-CC đối với ông Trần Văn M1 và Quyết định cưỡng chế số 4247/QĐ-CC đối với bà NLQ8. Đến ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn cưỡng chế hành chính. Bà O không đồng ý vì bà cho rằng diện tích đất trên là của bà đã nhận chuyển nhượng và bà đã canh tác, sử dụng. Cho nên bà khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 4141/QĐ-UBND với nội dung bác yêu cầu của bà. Bà O khiếu nại lên cấp trên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND với nội dung là bác khiếu nại của bà và giữ nguyên Quyết định số 4144/QĐ-UBND.

Xét thấy, phần đất của bà Nguyễn Thị O bị Ủy ban nhân dân huyện LN cưỡng chế, thu hồi mà bà O cho rằng bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn M1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn T4 bà NLQ8 là một phần của diện tích 159.454.920 m² tọa lạc tại xã LT, xã LT, huyện LN được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý NLQ12 vào ngày 19/3/2003. Việc ông Trần Văn M1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn T4 bà NLQ8 tự ý vào khai phá đất lâm nghiệp từ năm 2005 khi không được sự đồng ý của Ban quản lý NLQ12 là hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001 và Điều 15 Luật đất đai năm 2003. Đồng thời bà Nguyễn Thị O tự ý nhận chuyển nhượng lại của ông M1, ông T4 vào năm 2007 cũng là hành vi chuyển nhượng đất trái phép. Cho nên, Ủy ban nhân dân huyện LN đã xử lý vi phạm, cưỡng chế phần đất trên là đúng theo quy định tại các Điều 12, 29, 55, 56 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi bổ sung năm 2008; Điều 2, 4, 33, 34, 35 của Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 3, 4, 6, 10 Nghị định 182/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị O là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường tài sản trên đất, giá trị đất là 390.000.000 đồng của bà O thấy rằng: Hành vi bao chiếm đã bị ngăn chặn, nghiêm cấm nhưng bà O vẫn tiếp tục quản lý, trồng trọt trên đất là vi phạm pháp luật nên

việc Ủy ban nhân dân huyện LN không đồng ý bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần đất diện tích 30.609,2 m² thì yêu cầu khởi kiện bổ sung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính cho nên không được chấp nhận.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ pháp luật. Bà O kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Mai Thị X:

Tại Quyết định khắc phục hậu quả số 2832/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông NLQ7 và Quyết định khắc phục hậu quả số 2853/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông NLQ6. Đến ngày 30/10/2008 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4246/QĐ-CC đối với ông NLQ7 và Quyết định cưỡng chế số 4249/QĐ-CC đối với ông NLQ6. Đến ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn cưỡng chế hành chính. Vợ chồng ông M, bà X không đồng ý vì cho rằng diện tích đất trên do ông bà nhận chuyển nhượng và đã canh tác, sử dụng. Vợ chồng ông M, bà X khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định trả lời khiếu nại số 4142/QĐ-UBND và Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 với nội dung là bác khiếu nại của gia đình bà. Vợ chồng bà khiếu nại lên cấp trên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 với nội dung là bác khiếu nại của vợ chồng bà.

Xét thấy, phần đất của hộ bà Mai Thị X bị Ủy ban nhân dân huyện LN cưỡng chế, thu hồi mà bà X cho rằng bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T7 là một phần của diện tích 159.454.920m² tọa lạc tại xã LT, xã LT, huyện LN được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý NLQ12 vào ngày 19/3/2003. Việc ông Nguyễn Văn T7 có được diện tích đất trên là do chuyển nhượng đất trái phép từ ông NLQ7, bà Nguyễn Thị Y do ông NLQ6, bà Y tự ý khai phá đất lâm nghiệp khi không được sự đồng ý của Ban quản lý NLQ12 là hành vi bao chiếm đất lâm nghiệp bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001 và Điều 15 Luật đất đai năm 2003. Đồng thời bà X tự ý nhận chuyển nhượng lại của ông T7 vào năm 2007 cũng là hành vi chuyển nhượng đất trái phép. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện LN đã xử lý vi phạm, cưỡng chế phần đất trên là đúng theo quy định tại các Điều 12, 29, 55, 67 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2008; Điều 2, 4, 33, 34, 35

của Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 3, 4, 6, 10 Nghị định 182/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà Mai Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường là 750.000.000 đồng tài sản trên đất và yêu cầu trả lại 7,6 ha đất bị cưỡng, chế thu hồi của bà X thấy rằng: Hành vi bao chiếm đã bị ngăn chặn, nghiêm cấm nhưng bà X vẫn tiếp tục quản lý, trông trọt trên đất là vi phạm pháp luật nên việc Ủy ban nhân dân huyện LN không đồng ý bồi thường tài sản trên đất và trả lại 7,6 ha đất là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần đất diện tích 75.083,4m² thì yêu cầu khởi kiện bổ sung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Luật tố tụng hành chính cho nên không được chấp nhận.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà X, ông M là có căn cứ pháp luật. Bà X kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

[5] Xét kháng cáo của ông Lâm Thanh T:

Tại Quyết định khắc phục hậu quả số 2834/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông Lâm Thanh T. Đến ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4297/QĐ-CC. Đến ngày 12/3/2009 Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn cưỡng chế hành chính. Ông T không đồng ý vì ông cho rằng diện tích đất trên là của ông khai phá và nhận chuyển nhượng của một số hộ dân và ông đã canh tác, sử dụng. cho nên, ông khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4145/QĐ-UBND ngày 20/10/2009 với nội dung là bác khiếu nại của ông. Ông T khiếu nại lên cấp trên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2010 với nội dung là bác khiếu nại của ông T.

Xét thấy, phần đất của ông Lâm Thanh T bị Ủy ban nhân dân huyện LN cưỡng chế, thu hồi mà ông T cho rằng ông tự khai phá, sử dụng và nhận chuyển nhượng thêm của những hộ dân đồng bào là một phần của diện tích 159.454.920m² tọa lạc tại xã LT, xã LT, huyện LN được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý NLQ12 vào ngày 19/3/2003. Việc ông tự khai phá cũng như ông nhận chuyển nhượng đất của những hộ dân đồng bào là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001 và Điều Điều 15 Luật đất đai năm 2003.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện LN đã xử lý vi phạm, cưỡng chế phân đất trên là đúng theo quy định tại các Điều 12, 29, 55, 67 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2008; Điều 2, 4, 33, 34, 35 của Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 3, 4, 6, 10 Nghị định 182/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông Lâm Thanh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường là 450.000.000 đồng tài sản trên đất và yêu cầu cấp lại 4,5 ha đất bị cưỡng, chế thu hồi của ông T thấy rằng: Hành vi bao chiếm đã bị ngăn chặn, nghiêm cấm nhưng ông T vẫn tiếp tục quản lý, trông trọt trên đất là vi phạm pháp luật nên việc Ủy ban nhân dân huyện LN không đồng ý bồi thường tài sản trên đất và cấp lại 4,5 ha đất là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần đất diện tích 91.041,6m² thì yêu cầu khởi kiện bổ sung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Luật tố tụng hành chính cho nên không được chấp nhận.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ pháp luật. Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

[6] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H:

Tại Quyết định khắc phục hậu quả số 2830/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra về quản lý đất đai đối với ông H. Đến ngày 30/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định cưỡng chế số 4248/QĐ-CC đối với ông H. Đến ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn cưỡng chế hành chính. Ông H không đồng ý vì ông cho rằng diện tích đất trên là của ông và ông Lâm Thanh T khai phá và nhận chuyển nhượng của một số hộ dân đồng bào và ông đã canh tác, sử dụng. Vì vậy bà khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 với nội dung bác khiếu nại của ông. Ông khiếu nại lên cấp trên thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 với nội dung là bác khiếu nại của ông H.

Xét thấy, phần đất của ông Nguyễn Văn H bị Ủy ban nhân dân huyện LN cưỡng chế, thu hồi mà ông H cho rằng ông khai phá, sử dụng cùng với ông Lâm Thanh T và nhận chuyển nhượng của những hộ dân đồng bào là một phần của diện tích 159.454.920m² tọa lạc tại xã LT, xã LT, huyện LN được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

Ban quản lý NLQ12 vào ngày 19/3/2003. Việc ông tự khai phá cũng như ông nhận chuyển nhượng đất của những hộ dân đồng bào là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 12 Luật bảo vệ rừng năm 2001 và Điều Điều 15 Luật đất đai năm 2003. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện LN đã xử lý vi phạm, cưỡng chế phần đất trên là đúng theo quy định tại các Điều 12, 29, 55, 67 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2008; Điều 2, 4, 33, 34, 35 của Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 3, 4, 6, 10 Nghị định 182/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP ban hành quyết định đình giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy yêu cầu bồi thường là 500.000.000 đồng tương đương với giá trị 5,5 ha đất bị cưỡng chế thu hồi của ông H thấy rằng: Hành vi bao chiếm đã bị ngăn chặn, nghiêm cấm ông H vẫn tiếp tục quản lý, trông trọt trên đất là vi phạm pháp luật nên việc nhưng Ủy ban nhân dân huyện LN không đồng ý bồi thường là 500.000.000 đồng tương đương với giá trị 5,5 ha đất là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLQ1, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4, ông NLQ5 trong phần đất diện tích 91.041,6m² thì yêu cầu khởi kiện bổ sung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Luật tố tụng hành chính cho nên không được chấp nhận.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ pháp luật. Ông H kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

[7] Các ông, bà Nguyễn Thị O, Mai Thị X, Lâm Thanh T, Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[8] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203, Khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị O, Mai Thị X, Lâm Thanh T, Nguyễn Thanh H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HC-ST ngày 05/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 199/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất với số tiền 300.000.000 đồng và 90.000.000 đồng giá trị đất tương đương với 03 ha bị thu hồi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4142/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 198/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất số tiền 750.000.000 đồng và trả lại diện tích 7,6 ha đất bị thu hồi.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4145/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện LN bồi thường giá trị tài sản trên đất 450.000.000 đồng và yêu cầu trả lại 4,5 ha đất bị thu hồi cho ông.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4146/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN; Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 201/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BP; Yêu cầu bồi thường giá trị tài sản trên đất 500.000.000 đồng tương đương với 5,5 ha cao su trồng xen mì tại thời điểm thu hồi.

5. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lâm Thanh T; bà Nguyễn Thị O; ông Nguyễn Thanh H; vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X mỗi người phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN theo các Biên lai thu tiền số: 0012554; 0012553; 0012552; 001255 do ông Trần Văn T nộp thay vào ngày 10/01/2014.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải nộp 19.500.000 đồng; ông Nguyễn Thanh H phải nộp 24.000.000 đồng; ông Lâm Thanh T phải nộp 22.000.000 đồng; Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị X phải nộp 34.000.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Các ông bà Lâm Thanh T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thanh H, Mai Thị X mỗi người phải chịu 200.000đ. Các ông bà Lâm Thanh T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thanh H, Mai Thị X mỗi người đã nộp dự phí kháng cáo phúc thẩm 200.000 đồng được thể hiện tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 025146, 025148, 025149 ngày 04/11/2016 và số 025147

(không rõ ngày) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước. Nay được chuyển thu án phí hành chính phúc thẩm;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự (19);
- Lưu: VP (3), HS (2), 29b. (ÁN HQ)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Khởi